

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính  
lĩnh vực Lâm nghiệp mới ban hành thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, bị thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 5581/QĐ-BNN-TCLN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ

lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 250/TTr-SNN ngày 03 tháng 7 năm 2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể:

Danh mục TTHC mới ban hành gồm 11 (*mười một*) TTHC lĩnh vực Lâm Nghiệp được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố tại các Quyết định số 1050/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/3/2017; Quyết định số 5581/QĐ-BNN-TCLN ngày 29/12/2017; Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018; Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019 (*kèm Phụ lục*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:** 1/

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TT điện tử tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, PKSTTHC (*Thủy-037*)



**Đương Thành Trung**

## Phụ lục

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu)

Số TT	Tên Thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
02	Phê duyệt chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

03	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Trong thời hạn 23 (hai mươi ba) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Không quy định	Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.
04	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Trong thời hạn 18 (mười tám) ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Trực tuyến.	Phí: - Công nhận lâm phần tuyển chọn là: 600.000 đồng/01 giống; - Công nhận vườn giống là: 2.400.000 đồng/01 vườn giống; - Công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống là: 600.000 đồng/01 lô giống.	- Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ nông nghiệp và PTNT qui định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng vật liệu chính; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu,

						nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp
05	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
06	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	Trong thời hạn 23 (hai mươi ba) ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	- Luật đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật bảo vệ và phát triển rừng. - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ

						<p>về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công.</p> <p>- Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn số nội dung quản lý công trình lâm sinh.</p>
07	<p>Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng</p>	<p>Trong thời hạn 50 (năm mươi) ngày làm việc</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p>
08	<p>Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ</p>	<p>Trong thời hạn 50 (năm mươi) ngày làm việc</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.</p>

			<i>Bạc Liêu)</i>			
09	Xác nhận bảng kê lâm sản	Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
10	Phê duyệt khai thác động vật thông thường từ tự nhiên	Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.	Không quy định	Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

11	<p>Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III Cites.</p>	<p>Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc. (Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 30 ngày làm việc)</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bạc Liêu (đường Nguyễn Văn Linh, Phường 1, TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu)</p>	<p>- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính.</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.</p>
----	--	---	--	--	-----------------------	---

Tổng số: 11 thủ tục hành chính./.